

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2020/HS-ST

Ngày: 04- 11- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chủ

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/HSST- QĐXX ngày 07 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/HSST-QĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải N, sinh ngày 22/8/1987 tại xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn D, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947; mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị T (đã chết); đã ly hôn vợ là chị Hà Thị L, sinh năm 1990 và chưa có con. Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 22/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 05/7/2017.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

2. Bùi Văn Th, sinh ngày 02/3/1993 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1961; mẹ đẻ: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Ngày 19/02/2020 bị Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Tiền án: Bản án số 81/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt Bùi Văn Th 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 02/10/2019.

Nhân thân: Ngày 27/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/9/2015. Ngày 22/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong ngày 10/4/2018.

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

- Bị hại: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

+ Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

+ Bà Trần Thị B, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Tổ .., thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị Th có mặt; Anh V và bà B đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 02/7/2020, Nguyễn Hải N gọi điện thoại rủ Bùi Văn Th đi sang huyện Hưng Hà chơi, Th đồng ý. Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liperty, sơn màu trắng, biển kiểm soát 17B3-567.89 (là biển số giả) đến đón, chở N đi sang địa phận huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc địa phận thôn Cộng Hoà, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, N và Th phát hiện thấy tại đường bờ ruộng, cách đường liên thôn khoảng 5m, phía bên trái đường theo hướng di chuyển có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 17B4-514.83 của chị Vũ Thị Mái. Th và N đi qua một đoạn rồi dừng lại quan sát, thấy không có ai trông coi, Th và N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe. N bảo Th quay xe lại, N xuống đi bộ đến dòng chiếc xe mô tô lên trên đường liên thôn. Do không có chìa khóa xe nên N bảo Th ngồi trên xe Liperty dùng chân phải đạp vào phần đế chân

phía sau, bên trái đẩy chiếc xe mô tô vừa trộm cắp. Đi được một đoạn, cả hai đôi xe và đẩy xe trộm cắp về nhà Th. Tại nhà Th, N lấy chiếc tô vít tháo mặt nạ đầu xe, đấu nối dây điện và đề nổ xe, N sử dụng chiếc cờ lê 8-10 trong túi nhựa để ở cốp xe tháo chiếc biển số 17B4-514.83 bỏ vào trong cốp và tháo gương chiếu hậu rồi hỏi Th “Em có biển số Đông Hưng nào không”; Th mở cốp chiếc xe Liperty lấy chiếc biển số 17B3 - 002.88 đưa cho N, N cầm lắp vào chiếc xe Wave, mục đích để khi bán xe người mua sẽ không nghi ngờ là xe trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô trộm cắp đi bán, trên đường đi N dừng xe tại đoạn đường gần sông (N không nhớ địa điểm) lấy biển số xe 17B4-514.83 trong cốp ném xuống sông. Sau đó, N đi đến quán sửa xe máy của anh Đỗ Văn V đặt vấn đề bán chiếc xe mô tô cho anh V, thấy xe có biển số Đông Hưng, anh V có hỏi nguồn gốc và giấy tờ xe, N nói là xe của N, đang cần tiền nên bán. Anh V nói với N “Chỗ anh không mua xe chỉ mua phụ tùng của xe thôi”, N đồng ý. Anh V tháo và mua bộ phận của chiếc xe mô tô, còn khung xe, vách máy, biển số 17B3 - 002.88, anh V bỏ vào trong chiếc bao xác rắn trả lại cho N và trả cho N số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, N mang bao xác rắn bên trong có khung xe và vách máy xe đi đến quán thu mua đồng nát của bà Trần Thị B bán cho bà B được 70.000 đồng. N đi ra chỗ Th đứng chờ đón ở gần quán bà B rồi cả hai đi về nhà Th. N trả biển số xe 17B3 - 002.88 cho Th và nói bán xe trộm cắp được 4.000.000 đồng, N nói với Th đang cần tiền gấp nên N không đưa tiền cho Th, số tiền trên N đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 29/KLGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha, màu sơn xanh đen bạc, BKS: 17B4-514.83 tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng)

Bản cáo trạng số 98/CT-VKSHH ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Hải N và Bùi Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hải N, Bùi Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hải N, Bùi Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; Xử phạt các bị cáo Nguyễn Hải N, Bùi Văn Th mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự, Buộc các bị cáo Nguyễn Hải N, Bùi Văn Th phải liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Mái số tiền 16.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận và đều có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện (Bút lục từ số 51 đến số 56); Bản kết luận định giá tài sản (Bút lục số 15); Bản ảnh trích xuất camera (Bút lục số 57); Biên bản nhận dạng, danh sách nhận dạng và bản ảnh nhận dạng (Bút lục từ số 59 đến số 66); Bản kết luận giám định (Bút lục 69, 73 đến 75); Biên bản kiểm tra điện thoại di động (Bút lục số 88, 89); Biên bản làm việc (Bút lục số 111, 113 đến 116).

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 02/7/2020, tại cánh đồng thôn Cộng Hòa, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Hải N và Bùi Văn Th đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 17B4-514.83 của chị Vũ Thị Mái trị giá 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an N, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

...”

[3] Về tính chất, mức độ và vai trò phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo đều có nhân thân xấu nhưng các bị cáo không nhận thức và cải tạo bản thân, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật.

Bị cáo N là người khởi xướng và trực tiếp trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản. Bị cáo Th tham gia với vai trò đồng phạm tích cực như sử dụng phương tiện chở bị cáo N đi trộm cắp, canh giới và cùng bị cáo N di chuyển tài sản trộm cắp. Do đó, đánh giá vai trò của bị cáo N cao hơn bị cáo Th.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Th có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo N giữ vai trò cao hơn bị cáo Th nhưng bị cáo Th hiện đang có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo với mức hình phạt bằng nhau là tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Vũ Thị Mái yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe máy bị trộm cắp là 16.000.000 đồng. Cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Mái số tiền là 16.000.000 đồng. Do

tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của các bị cáo ngang nhau nên cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị Mái theo kỷ phần bằng nhau.

[8] Đối với anh Đỗ Văn V khi Nguyễn Hải N bán xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 17B3 – 002.83 cho anh V, anh V hỏi nguồn gốc và giấy tờ xe, N nói đó là xe của N, đang cần tiền nên bán, anh V nói với N “Chỗ anh không mua xe chỉ mua phụ tùng của xe thôi”, N đồng ý. Sau đó, anh V tháo các bộ phận của chiếc xe mô tô, còn khung xe, vách máy, bỏ vào trong một chiếc bao xác rắn màu trắng trả lại cho N cùng chiếc biển số xe 17B3 - 002.88 và trả cho N số tiền 4.000.000 đồng. Các bộ phận anh V mua, đã bán để thay thế vào một chiếc xe mô tô khác cho khách. Anh V không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này ở đâu. Anh V cũng không biết chiếc xe mô tô là tài sản do N trộm cắp mà có.

Đối với bà Trần Thị B: Sau khi N bán phụ tùng xe máy cho anh V, còn khung xe, vách máy, N mang sang quán thu mua đồng nát của bà B gần quán của anh V bán cho bà B được 70.000 đồng. Bà B không biết đây là tài sản do N trộm cắp mà có. Sau đó bà B lại bán số khung xe, vách máy cho một người thu mua phế liệu, bà B không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với anh V và bà B trong vụ án này.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty, sơn màu trắng, xe đeo biển số 17B3-567.89, bên trong cốp xe có 01 (một) chiếc biển số xe mô tô 17B3-002.88; 01 (một) chiếc mũ lưỡi trai màu đen thu của bị cáo N.

Chiếc xe mô tô và biển số xe mô tô 17B3-002.88 là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị Thu (là chị gái bị cáo Th). Chị Thu cho bị cáo mượn chiếc xe và không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần trả lại chiếc xe mô tô trên và biển số xe mô tô 17B3-002.88 cho chị Bùi Thị Thu.

Đối với chiếc biển số 17B3-567.89 được xác định là biển số giả và chiếc mũ lưỡi trai bị cáo N không có yêu cầu trả lại, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu bạc, lắp sim số thuê bao 0978988065 của Bùi Văn Th; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, loại bàn phím bấm, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0363544110 của Nguyễn Hải N. Các bị cáo sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động; tịch thu tiêu hủy 02 sim số thuê bao trên.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hải N và Bùi Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Trả lại chị Bùi Thị Thu 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty, sơn màu trắng và biển số xe mô tô 17B3-002.88.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc biển số 17B3-567.89; 02 sim số thuê bao 0978988065 và 0363544110; 01 (một) chiếc mũ lưỡi trai màu đen, vành mũ in logo màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu bạc và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, loại bàn phím bấm, vỏ màu đen, đều đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình ngày 01/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự,

Buộc các bị cáo Nguyễn Hải N và Bùi Văn Th phải liên đới bồi thường cho chị Vũ Thị Mái số tiền là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); Kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Vũ Thị Mái là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Các bị cáo Nguyễn Hải N, Bùi Văn Th, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng các bị cáo N và Th, mỗi bị cáo phải nộp số tiền án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Thu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS H.Hưng Hà;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng